



CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA NGÔ ĐÌNH DIỆM (P.1)

Nguồn: William Henderson & Wesley R. Fishel, "The Foreign Policy of Ngo Dinh Diem", *Vietnam Perspectives*, Vol. 2, No. 1 (Aug., 1966), pp. 3-30.

Biên dịch: Vũ Thị Hương Giang | **Biên tập:** Lê Hồng Hiệp

Chính sách đối ngoại của một quốc gia là sản phẩm của nhiều lực lượng, thường là đối lập nhau, nhưng là những lực lượng tương đối rõ ràng. Điều này đặc biệt rõ rệt trong lịch sử ngoại giao của các nước được thiết lập lâu đời trên vũ đài chính trị thế giới. Hệ quả của các nhân tố như vị trí địa lý, dân số, tài nguyên kinh tế, lịch sử và ý thức hệ thường được dẫn giải như những yếu tố quyết định chủ yếu của chính sách đối ngoại. Ít nhất, những yếu tố quyết định đó xuất hiện để đặt ra các giới hạn cho việc thực hiện chính sách đối ngoại nói chung của một quốc gia cụ thể.

Tuy vậy, việc phân tích chính sách đối ngoại theo nghĩa đó trở nên quá máy móc; thường không xem xét được những yếu tố ngẫu nhiên và phi lý vốn có trong mọi sự kiện của con người. Hơn nữa, trong trường hợp các quốc gia mới độc lập, nghiên cứu các yếu tố quyết định này thường chẳng có tác dụng mấy trong việc tìm hiểu các chính sách đối ngoại của họ. Hoàn cảnh ra đời của các nhà nước độc lập, tính ngẫu nhiên của các cuộc đấu tranh cay đắng giành sống còn, sự thiếu kinh nghiệm của họ trong thăng trầm của quan hệ quốc tế có thể dẫn đến những năm tháng hành động ban đầu cách xa với những gì rút cục được coi là giới hạn "bình thường" trong chính sách đối ngoại. Một đất nước cần có thời gian để ổn định. Việc xem xét hồ sơ quốc tế trong những năm mới ra đời của một quốc gia có thể không thật sự mang lại nhiều bài học cho xu hướng chính sách đối ngoại có thể có trong dài hạn.

Điều đó có thể rất đúng với trường hợp Nam Việt Nam. Hoàn cảnh ra đời đầy bạo lực khi trở thành một quốc gia độc lập năm 1954, và lịch sử u sầu của nó từ thời đó, có vẻ đã bóp méo chính sách đối ngoại đến mức vượt xa khỏi ngoài biên giới của cái được cho là giới hạn tự nhiên của nó. Từ khi độc lập, Nam Việt Nam đã phải tập trung hoàn toàn vào cuộc đấu tranh để đơn giản có thể tồn tại như một thực thể độc lập. Trong quá trình đó, sự phát triển trong quan hệ giữa Sài Gòn và các nước khác đã bị ảnh hưởng to lớn, và sự tiến hóa từ từ của một chính sách đối ngoại “bình thường” – phản ánh những gì tốt đẹp có thể trở thành các quyền lợi kinh tế, chính trị “truyền thống” và các quyền lợi khác của quốc gia – đã bị hao mòn.

Tất cả điều đó nhanh chóng trở nên rõ ràng khi tìm hiểu diễn biến chính sách đối ngoại của Nam Việt Nam dưới chế độ Ngô Đình Diệm. Đây là một giai đoạn nghiên cứu cực kỳ thú vị và vô cùng quan trọng nhằm hiểu được chính trị đương đại, không chỉ ở Đông Nam Á mà trên cả thế giới. Nhưng tình hình suốt thời Diệm và sau khi ông bị lật đổ trở nên thật sự bất thường khiến ta chần chừ khi khái quát hóa các xu hướng dài hạn của chính sách đối ngoại từ hồ sơ lịch sử. Trong khía cạnh này, các chế độ khác nhau sau Diệm kể từ tháng 11/1963 đã thể hiện sự nối tiếp những bất thường của giai đoạn Diệm. Thật sự mà nói, truyền thống chính sách đối ngoại “bình thường” của Nam Việt Nam vẫn chưa được tạo ra.

Bài viết này muốn đánh giá hồ sơ của Nam Việt Nam trên trường quốc tế suốt thập kỷ nắm quyền của Diệm. Nó không nhằm mục đích diễn giải lịch sử có hệ thống về chính sách đối ngoại của Việt Nam Cộng hòa trong giai đoạn mười năm đó bởi hồ sơ tư liệu vẫn còn hoàn toàn thiếu thốn cho mục đích ấy. Do đó, trong khi chúng ta xem xét các chủ đề chính của chính sách đối ngoại dưới thời Diệm, phân tích này đặc biệt nhằm truyền tải một số điều về chất lượng và “hương vị” của chính sách, và xem xét một số định kiến cơ bản đã tạo nên bản chất của việc hình thành chính sách ấy.

Tâm quan trọng tương đối của chính sách đối ngoại

Ngô Đình Diệm thống trị chính phủ Nam Việt Nam trong gần một thập niên, từ khi nhận chức tháng 7/1954 cho đến khi bị ám sát tháng 11/1963. Chế độ của ông để lại dấu ấn mãi mãi lên lịch sử đương đại của Việt Nam và Đông Nam Á. Các sai lầm bị kịch và những cơ hội bị đánh mất trong các năm cầm quyền của ông, và tình hình u ám xung quanh việc ông bị lật đổ, đã làm lu mờ các thành tựu hiển nhiên của Diệm, nhất là trong những năm 1950. Hồ sơ trong lĩnh vực đối ngoại đặc biệt

đáng lưu ý. Nhìn chung, tuy có một số khuyết điểm rõ ràng, việc thực hiện công tác đối ngoại suốt thời Diệm năm quyền là điều đáng khen.

Ở một chừng mực đáng kể, chính sách đối ngoại của Việt Nam Cộng hòa (VNCH) suốt giai đoạn này là chính sách của chính Ngô Đình Diệm. Mặc dù ông thường dựa vào các nhóm cố vấn thường xuyên bị thay đổi, cả về đối ngoại và đối nội,¹ bản thân Diệm là nhân tố quyết định trong việc hình thành chính sách trong ít nhất mười năm sau đó cho đến khi ông ngày càng phụ thuộc vào người em Ngô Đình Nhu. Các Ngoại trưởng của Diệm, kể cả Vũ Văn Mẫu – người giữ chức Bộ trưởng trong gần hết thời gian đó, đóng vai trò tuy đáng kể nhưng vẫn mang tính hỗ trợ.² VNCH không có John Foster Dulles.

Tuy vậy, chính sách đối ngoại không phải là mối bận tâm thường trực của Diệm. Để yên tâm, ông quan tâm sâu sắc đến thế giới quanh mình, và đặc biệt chú ý tới diễn biến ở các nước có ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam. Nhưng Diệm và các đồng nghiệp chủ chốt của mình trong chính phủ là những tay chơi nghiệp dư thật sự về chính sách đối ngoại. Nhìn chung, Diệm giảm thiểu tầm quan trọng của tình hình quốc tế đối với đất nước mình, và đánh giá thấp những đóng góp mà một nền ngoại giao mang tính xây dựng có thể đem lại cho sự nghiệp của chính ông ta. Ông nắm bắt tin tức khá tốt về các sự kiện, nhưng thường không nắm được tầm quan trọng thật sự của chúng. Thường thì ông đơn giản chỉ là thờ ơ với những gì các cường quốc nước ngoài nghĩ về tình hình Việt Nam; đôi khi ông lại phản ứng dữ dội với các bình luận ở những nước khác, và thăm dò liên miên để tìm kiếm ý nghĩa giấu dưới những phát ngôn chính thức thường lệ nhất. Thói quen làm việc lộn xộn của Diệm gây trở ngại nghiêm trọng cho việc nghiên cứu có hệ thống đối với các vấn đề chính sách đối ngoại, hoặc với việc nghiên cứu xuyên suốt cần có để chuyển tải những ý tưởng đơn thuần thành hành động có suy tính. Hơn nữa còn có khuynh hướng thâm căn cố đế là cá nhân hóa và cảm xúc hóa quan hệ với các nước khác. Các tiêu chuẩn đạo đức hà khắc của Diệm thường gây cản trở. Ông vô cùng khinh

¹ Đúc kết từ hơn hai thập niên hoạt động bí mật chống người Pháp và Cộng sản, trong đó ông học được không phải lúc nào cũng dựa được vào những đồng sự thân cận, Diệm có xu hướng phụ thuộc nhiều vào các thành viên trong gia đình và bạn bè thân hữu. Những người trong cụm này đôi khi thay đổi khi người nước ngoài rút ra hoặc bị rút ra khỏi Sài Gòn, và trong quá trình đó, khỏi các vị trí có ảnh hưởng trực tiếp và liên tục. Một số thành viên gia đình và bạn bè Việt Nam thân thiết đôi khi bị thay thế bởi các thành viên và bạn bè khác, và bị đẩy sang một bên vì nhiều lý do khác nhau. Không giống các lãnh đạo Thái Lan, những người có truyền thống rất sắc sảo trong việc dùng chuyên gia và cố vấn nước ngoài, Diệm chưa bao giờ thật sự biết cách tận dụng tối đa từ các cố vấn của mình. Quan hệ chung của họ thất thường tùy theo Diệm và, tùy hoàn cảnh, từ chỗ là bạn tâm tình đến người cố vấn và được cố vấn; hay đến người thầy và học trò (ở trường hợp cuối cùng thì người này lại có thể đóng vai người kia).

² Theo thứ tự, các ngoại trưởng của chế độ Diệm là Trần Văn Độ, 1954-55; Vũ Văn Mẫu, 1955-63; và Phạm Đăng Lâm, 1963.

thường Thái tử Sihanouk của Campuchia và Tổng thống Sukarno của Indonesia, ít nhất một phần là do ông không ủng hộ họ về mặt cá nhân. Không may là sự không tán thành này ảnh hưởng nghiêm trọng đến ngoại giao của VNCH với cả hai nước.

Nhưng cách giải thích quan trọng nhất cho sự thờ ơ tương đối với chính sách đối ngoại là bản thân Diệm phải chú tâm vào các vấn đề nghiêm trọng ở mặt trận đối nội, thu hút tâm trí và năng lượng của ông đến mức không còn quan tâm đến điều gì khác: thiết lập và củng cố sức mạnh chế độ, xử lý dòng người tị nạn từ miền bắc, xử lý các bè phái và lập hòa bình cho đất nước, áp dụng biện pháp khôi phục kinh tế ở miền nam. Trên tất cả là mối đe dọa sống còn, bao trùm và thường trực từ miền bắc Cộng sản, một đe dọa mà sau năm 1957 đã chuyển thành cuộc chiến tranh du kích liên tục mở rộng trong lãnh thổ VNCH nhằm lật đổ chế độ Diệm. Trong hoàn cảnh đó, việc chú ý đến chính sách đối ngoại chỉ là lúc có lúc không. Các giai đoạn quan ngại mạnh mẽ xen kẽ với những thời kỳ gần như là lơ là, và tiêu chuẩn chủ yếu [cho khác biệt này-ND] thường là mối quan hệ trực tiếp của các vấn đề ngoại giao với tình hình nội bộ và việc duy trì chế độ. Các chủ đề nhận được chú ý hơn gồm có hệ quả của các Hiệp định Geneva (trong giai đoạn ngay sau Geneva), sự rút lui của người Pháp (những năm đầu), sự công nhận quốc tế và xây dựng tính hợp pháp (đặc biệt trong những năm 1950), quan hệ với Hoa Kỳ (một vấn đề thường xuyên), Campuchia, và luôn luôn có vấn đề tiến thoái lưỡng nan khủng khiếp trong cách xử lý với miền bắc. Nhưng trong khi có các chính sách đơn lẻ để giải quyết từng trường hợp cụ thể, hầu như không có gì trong chính sách toàn diện nhằm xây dựng hướng đi của cả nước trong tình hình thế giới.

Đã có một vài nỗ lực để xây dựng một cơ quan đối ngoại hiệu quả và phục vụ ngoại giao chuyên nghiệp, nhưng không đạt được mấy thành tựu. Diệm và các Ngoại trưởng Trần Văn Đỗ, Vũ Văn Mẫu đều không có tài về phục vụ ngoại giao; và một nhóm các "gia đình dòng dõi" nắm vị trí then chốt do các chế độ Bảo Đại trước đó chỉ định. Khâu tổ chức bị thiếu vắng, và trong hầu hết các trường hợp, những phái viên này thường dùng bài nhắc vở từ các đồng nghiệp Pháp ở nhiều thủ đô khác nhau nhiều hơn là từ chính phủ của mình ở Sài Gòn. Nhiều thanh niên trẻ có khả năng được chính phủ Diệm đưa vào phục vụ ngoại giao, trong số đó có thể kể đến Trần Kim Phượng, người đã thể hiện vô cùng tốt trong nhiều năm ở Kuala Lumpur và Singapore. Năm 1959, cùng với một số người có cùng suy nghĩ mới được tuyển dụng vào phục vụ ngoại giao, ông nộp đơn từ chức cho Diệm và Nhu

trong một phản ứng đầy xúc cảm trước mối hận thù giữa các gia đình trong bộ ngoại giao. Đơn từ nhiệm của ông bị từ chối và ông tiếp tục vị trí của mình.³

Tương đối ít cá nhân trong cơ quan ngoại giao được cử ra nước ngoài để được đào tạo có hệ thống. Diệm đảm bảo là các thủ đô quan trọng nhất có những đại sứ tương đối có năng lực; nhưng về cơ bản, lựa chọn của ông mang đậm cảm tính. Do đó, Trần Văn Chương, một người Việt Nam yêu nước có lòng tự trọng là người bạn tin cậy và bạn tâm tình của Diệm (và là cha của Madame Nhu), được cử sang Washington, nơi nhiệm vụ cơ bản của ông là đảm bảo Mỹ tiếp tục ủng hộ chế độ Diệm.⁴ Em trai của Diệm, Ngô Đình Luyện, được bổ nhiệm là Đại sứ lưu động ở châu Âu, với trách nhiệm cụ thể ở cả London và Paris. Hoàng tử Bửu Hội phục vụ như đại diện của VNCH ở vô số hội nghị quốc tế. Nhưng ở những nơi khác thì việc bổ nhiệm ngoại giao thường là để gạt bỏ những người không mong muốn. Thường thì các sứ quán đầy những chính trị gia, công chức, sĩ quan quân đội và những người “lưu vong vàng” mà Diệm không còn tin cậy.⁵ Mỗi đại sứ thường mang theo tùy tùng cá nhân; và mỗi người thực hiện nhiệm vụ theo cách riêng, với hướng dẫn chung chung từ Diệm và bộ ngoại giao. Trong hoàn cảnh đó, việc thực hiện một nền ngoại giao chuyên nghiệp, bài bản để theo đuổi một chính sách quốc gia được tính toán kỹ lưỡng (mà trong trường hợp nào đi nữa vẫn chưa tồn tại) hầu như là điều không thể, mặc dù các nhà ngoại giao Việt Nam đơn lẻ có những năng lực không phải nghi ngờ gì. Thậm chí đến cuối những năm 1960, cơ quan phục vụ ngoại giao của VNCH vẫn vụng về và hầu như không hiệu quả. Đây là một nguyên nhân lý giải cho chính sách đối ngoại của chế độ Diệm cũng như cho tính không hiệu quả về hành chính đặc trưng ở các cấp hoạch định chính sách của chính phủ.

Sự cần thiết phải liên kết

Diệm tiếp cận việc thực hiện chính sách đối ngoại với một số định kiến cơ bản. Có lẽ quan trọng nhất là việc ông tin chắc vào việc các nước nhỏ cần liên kết (với một

³ Những người khác nộp đơn từ chức khi đó cũng quyết định ở lại, trong khi một số người thật sự từ bỏ chức vụ và công việc chính phủ

⁴ Trần Văn Chương đồng thời là Bộ trưởng Nhà nước (không bộ) trong nội các đầu tiên của Diệm, một vị trí cho thấy sự coi trọng của Diệm dành cho ông.

⁵ Ví dụ, Trần Chánh Thành, cựu Bộ trưởng Thông tin, Đại sứ tại Tunisia; Bùi Văn Thịnh, cựu Bộ trưởng Nội vụ, Đại sứ tại Nhật Bản; Lâm Lễ Trinh, cựu Bộ trưởng Nội vụ, Công sứ tại Thổ Nhĩ Kỳ; Nguyễn Dương Đôn, cựu Bộ trưởng Giáo dục, Công sứ tại Italy. Tại các nước châu Á và châu Phi, vị trí thường dành cho những người trẻ hơn là người bảo vệ của Ngô Đình Luyện hoặc Trần Kim Tuyến, Giám đốc Sở Nghiên cứu Chính trị và xã hội Phủ tổng thống, và là cộng tác viên của Ngô Đình Nhu

nước lớn - NBT) một cách rõ rệt trong Chiến tranh Lạnh trên nền tảng *realpolitik* [chính trị hiện thực - ND] cũng như tin vào tính vô đạo đức của chính sách không liên kết.

Diệm đã có lần nghĩ khác. Một mặt ông luôn chống Cộng khủng khiếp song trong những ngày lưu vong, Diệm từng là người thể hiện ý tưởng về một lực lượng châu Á thứ ba trong tình hình quốc tế. Theo khái niệm này, các quốc gia mới độc lập của châu Á có thể đóng góp hiệu quả nhất cho hòa bình thế giới nếu can dự chính trị với một trong những bên đóng vai chính của Chiến tranh Lạnh. Ấn Độ là người lãnh đạo hợp lý của khối các quốc gia châu Á không liên kết này, và Diệm hình dung ra vai trò phù hợp của Việt Nam là một trong những nước nhỏ quan trọng ủng hộ sự lãnh đạo của Ấn Độ trên thế giới.

Tuy thế, khi nhận chức vào tháng 7/1954, Diệm đã thay đổi cơ bản tư duy của mình. Giờ đây ông thấy thế giới tất yếu bị chia ra làm ba phe: liên minh thế giới tự do, khối Cộng sản, và các nước không liên kết. Việt Nam nên nằm ở phe nào? Ông ngày càng quan ngại về tính dễ bị tổn thương về chính trị của một nước nhỏ như Việt Nam trước sự tấn công và lật đổ vô hạn của Cộng sản; và ông kết luận rằng cách duy nhất để rút ra khỏi thế tiến thoái lưỡng nan này là thông qua liên kết chặt chẽ với khối chống Cộng. Vận mệnh đáng tiếc của nước ông hiển nhiên đã tạo ra thay đổi này trong suy nghĩ của Diệm. Nhưng trong hoàn cảnh nào đi nữa thì việc chống cộng sản tích cực cũng thích hợp hơn với đặc điểm trí tuệ và cảm xúc của ông ta.

Về khía cạnh này, ta có thể nhớ rằng anh cả của Diệm là Ngô Đình Khôi và con trai ông đã bị phe Cộng sản chôn sống năm 1945; và Diệm là một tín đồ Công giáo La Mã mộ đạo, phản đối sâu sắc chủ nghĩa cộng sản về phương diện tôn giáo.

Trong Chiến tranh Lạnh, nơi trú ẩn của một nước nhỏ không phải là chính sách không liên kết mà là liên minh thân thiết với một cường quốc lớn chống Cộng. Trong trường hợp của Việt Nam, không thể giao vai trò cường quốc bảo vệ cho Pháp, một phần là vì hồ sơ lịch sử của Pháp ở Đông Dương và nỗi căm ghét mà Diệm có chung với đồng bào mình đối với chủ nghĩa thực dân Pháp. Là quốc gia cường mạnh nhất thế giới và là lãnh đạo của liên minh thế giới tự do chống chủ nghĩa cộng sản, Hoa Kỳ là lựa chọn hiển nhiên. Hơn nữa, đến năm 1954, liên minh chặt chẽ với Hoa Kỳ trở thành lựa chọn chính sách ngày càng thực tiễn với Việt Nam trong bối cảnh đầu những năm 1950, Washington ngày càng quan tâm hơn đến số phận Đông Dương. Do đó, Diệm chọn mối liên hệ với Mỹ và một khi đã chọn như vậy, ông ta không bao giờ từ bỏ điều đó trong định hướng quốc tế cơ bản của mình.

Cùng với thời gian, Diệm trở nên ám ảnh với việc cần phải có liên kết trong Chiến tranh Lạnh, và các quan điểm của ông có những hàm ý đạo đức mạnh mẽ. Những cân nhắc về đạo đức cá nhân có lúc còn chông lẩn lên các đòi hỏi của chính sách công. Chủ nghĩa cộng sản là xấu xa, do đó phải bị đánh bại bằng mọi phương tiện có trong tay. Diệm không thể hiểu tại sao các nhà lãnh đạo châu Á khác lại không nhận thức như vậy về mối họa Cộng sản và hệ quả đạo đức, chính trị của mỗi họa này đối với chính sách đối ngoại. Mặc dù ông nhìn thấy sự khôn ngoan trong việc nuôi dưỡng quan hệ thân thiện với các quốc gia đang nổi lên của châu Á cũng như của châu Âu và Mỹ Latin song cách tiếp cận của ông chẳng có gì giống với sự phân chia (các nước trên thế giới) sau này của Sukarno thành “các thế lực đang nổi mới” và “các thế lực cũ”. Các quốc gia mới độc lập nên chọn phe. Ông đồng ý với việc Ngoại trưởng Dulles lên án chủ nghĩa trung lập là sai trái về đạo đức. Các phái viên của VNCH ở nước ngoài do đó được hướng dẫn phải thuyết phục các chính phủ không liên kết nơi họ có nhiệm vụ cũng như các nhân vật hàng đầu ở những nước này về sự cần thiết phải có liên kết. Chuyện này khiến các nhà ngoại giao Việt Nam nhiều lần gặp rắc rối nghiêm trọng vì đã can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác.⁶

Diệm cũng không đạt được nhiều tiến bộ trong việc cải tạo những người ngoại đạo. Ông đã đánh giá sai khả năng thuyết phục các nước không liên kết để chỉnh sửa định hướng quốc tế của họ theo hướng ủng hộ liên kết mở chống những người Cộng sản. Tuy không tạo được thay đổi ở những điểm đó, Diệm đã nhìn thấy việc đáng duy trì quan hệ thân thiện với các nước không liên kết miễn là họ thật sự không liên kết. Nhưng ông hoàn toàn khinh bỉ các chính phủ và lãnh đạo đi theo cả hai lề của con đường chính trị. Về mặt này, Sihanouk và Sukarno là những kẻ côn đồ hàng đầu. Ông cũng coi thường cả kém những bên thứ ba, ví dụ như những người Mỹ có thiện chí mà theo cách nhìn của ông, đây là những người cho phép các lãnh đạo Campuchia và Indonesia lừa bịp mình.

Với bản thân ông, VNCH nhất định và rõ ràng đứng trên mặt trận hàng đầu của liên minh thế giới tự do, dẫn đầu là Hoa Kỳ, trong cuộc chiến chống chủ nghĩa cộng sản. Về phương diện này, Diệm nhiều lần nêu đi nêu lại quan điểm rõ ràng của mình. Một hệ quả thú vị của lập trường rõ rệt này là Diệm khen ngợi lộ liễu quan hệ chính trị của VNCH với Hoa Kỳ. Ông chào đón mỗi liên hệ Mỹ và dòng tài trợ khổng lồ về quân sự và kinh tế từ đó. Ông cũng chẳng ngần ngại thể hiện sự trân trọng ấy trong những dịp phù hợp. Nhưng ông không cảm xúc hoá thực tế.

⁶ Ví dụ, Tổng Lãnh sự VNCH ở New Delhi là chủ đề của lời phàn nàn tuy không chính thức song có ngôn từ mạnh mẽ từ chính phủ Ấn Độ vì những mối liên đáng nghi ngờ của ông với những nhóm chính trị đối lập cực đoan ở Ấn Độ.

Trong phán xét của ông, Hoa Kỳ đơn thuần chỉ đang phục vụ lợi ích quốc gia của họ chứ không phải của Việt Nam khi viện trợ ồ ạt cho VNCH hay gánh các chi phí cho việc bảo vệ nó dưới cái ô liên minh SEATO (Khối phòng thủ chung Đông Nam Á - NBT). Điều đó cũng đúng, và nó đã kiểm chế đáng kể lòng biết ơn của Diệm với Hoa Kỳ.

Hiệp định Geneva

Ngô Đình Diệm không có ảnh hưởng gì đến kết quả của Hội nghị Geneva 1954 kết thúc cuộc đấu tranh dai dẳng giữa Pháp và Việt Minh do Cộng sản lãnh đạo. Cuối cùng, mãi đến giữa tháng 6-1954 ông mới được cựu hoàng Bảo Đại triệu tập để hình thành một chính phủ cho Nhà nước Việt Nam khi ấy. Ông quay lại Sài Gòn vào ngày 24-6; và sau hai tuần thương lượng dồn dập, rốt cục nội các của ông cũng được thành lập vào ngày 7-7. Đến khi đó, (dù có chút cơ hội nào) thì cũng đã quá muộn để Diệm có thể gây ảnh hưởng đến tiến trình diễn biến ở Geneva, mặc dù ông gắng hết sức để làm như vậy thông qua các đại diện chủ yếu của Việt Nam là Ngoại trưởng Trần Văn Độ, em trai ông là Ngô Đình Luyện và cả Trần Văn Chương. Diệm đơn giản là chẳng có thể mặc cả nào. Phương án cuối cùng được chủ yếu thống nhất giữa Cao uỷ Pháp và Việt Minh. Nó dẫn đến việc đình chiến và rút quân cũng như chia cắt đất nước tạm thời tại vĩ tuyến 17 và các cuộc bầu cử toàn quốc về tái thống nhất đất nước được hiểu là sẽ được tổ chức vào tháng 7/1956.⁷

Diệm suy sụp bởi kết quả này. Khi nhận uỷ quyền của Bảo Đại để thành lập chính phủ mới, rõ ràng Diệm vẫn còn ảo tưởng về các khả năng chính trị ở Việt Nam. “Chưa có gì bị mất cả” – lúc ấy ông tuyên bố như vậy. Chính sách của Diệm là tiếp tục cuộc chiến cho đến khi tương lai của một nước Việt Nam thống nhất, phi

⁷ Ngay từ giữa tháng 4/1954, Diệm đã hiểu rằng “người Pháp muốn hợp tác với Việt Minh để đạt được ngừng bắn nhằm trao cho Việt Minh các phần miền bắc và trung Việt Nam, những vùng tập trung đông dân cư và những nhân tố mạnh mẽ nhất cần có cho vị thế quân sự cũng như chính trị.” Đáp lại tình hình này, Diệm và nhiều đồng nghiệp theo chủ nghĩa dân tộc khác đã phát động phong trào trong người Việt ở Pháp và đồng thời ở Việt Nam để tổ chức bầu cử nhanh ra một quốc hội ở những vùng phi Cộng sản của đất nước nhằm chấm dứt chế độ Bảo Đại, thành lập một chính phủ có trách nhiệm, “công nhận độc lập của một Việt Nam thống nhất (đổi ngược với phương án của Pháp nhằm thương lượng đình chiến với Hồ Chí Minh, vốn sẽ làm cho chúng ta mất miền bắc và miền trung),” thiết lập nền dân chủ và đáp ứng kêu gọi của Diệm nhằm tập trung toàn bộ dân số sau lưng ông cũng như sự nghiệp dân tộc này. (Thư của Ngô Đình Diệm gửi Wesley R. Fishel, ngày 16/4/1954). Song các diễn biến Geneva diễn ra quá nhanh đối với những người theo chủ nghĩa dân tộc Việt Nam, và trong khi Bảo Đại bị thúc giục phải bổ nhiệm Diệm làm thủ tướng của mình, Diệm bị bủa vây bởi những hạn chế về quyền tự do hành động khiến ông và chính phủ mới của mình không thể ảnh hưởng đến kết quả của các thảo luận ở Geneva. Hơn nữa, trong tình cảnh bấp bênh ở Geneva, như Diệm và các đồng bào buộc phải công nhận cho dù đau đớn, là sự dẫn đến nội chiến ở Việt Nam. Uy tính và vị thế quyền lực của các cường quốc đều liên quan và Việt Nam, nơi xảy ra đối đầu, chỉ là một con tốt mà thôi.

Cộng sản được bảo đảm. Trước tình hình quân sự lúc ấy, đó chỉ là những mục tiêu hoàn toàn phi thực tế. Trên thực tế, rất nhiều thứ đã bị mất đi; và nhìn chung, người Pháp đã thương thảo được một giải pháp có lợi đáng ngạc nhiên khi xét đến những thất bại họ gặp phải lẫn vị thế quân sự nhỏ nhoi họ có được trên thực địa.

Thế nhưng Diệm coi giải pháp đó là một thảm họa và cảm thấy ông đã bị người Pháp phản bội một cách nhục nhã. Vừa mới nhậm chức thủ tướng, ông đã thấy đến nửa lãnh thổ quốc gia bị giao cho những người Cộng sản. Ông không bao giờ cân nhắc hệ quả của việc chia cắt đất nước hay những đòi hỏi và triển vọng thay đổi sâu sắc mà điều ấy đặt lên chính vai trò của ông là người đứng đầu chính phủ ở Sài Gòn. Hơn nữa, những gì còn lại là miền Nam mà trong con mắt của ông, là nửa đất nước kém phần ao ước hơn. Diệm có chung nỗi xem thường truyền thống của người miền bắc đối với miền nam (một định kiến mà ông không bao giờ vượt qua nổi); và thật mỉa mai cay đắng, giờ chính ông lại là người cai trị phần miền nam Việt Nam được xén ra. Theo hướng dẫn của ông, đoàn đại biểu Việt Nam tại Geneva đã phản đối giải pháp. Trần Văn Độ phản đối “kết luận vôi vàng” của Hiệp định Geneva, và vào ngày 21/7 tuyên bố là Việt Nam “bảo lưu toàn bộ quyền tự do hành động để bảo vệ quyền thiêng liêng của người Việt Nam đối với thống nhất lãnh thổ, độc lập dân tộc và tự do.” Quan điểm pháp lý của Diệm trong việc chối bỏ các điều khoản Geneva được củng cố qua nội dung của lá thư mà Thủ tướng Mendes-France gửi Trần Văn Độ vào ngày trước đó, trong đó nhà lãnh đạo Pháp công nhận nền độc lập đầy đủ của Nhà nước Việt Nam.

Dù sao những thực tế khó khăn nhất vẫn là thực tế. Diệm nhanh chóng nhận thấy ông không có lựa chọn nào ngoài việc chấp nhận tình hình lúc ấy và cố gắng tận dụng nó. Ngay ngày 22/7, trong một tuyên bố đầy xúc cảm song cũng đủ tính thực tế, Diệm nói rằng “đứng trước một việc đã rồi, Việt Nam không thể chọn phương án bạo lực, bởi vì điều đó sẽ đưa đến một thảm họa...chúng ta hãy giữ bình tĩnh và ...ngay lập tức bắt đầu cuộc đấu tranh hoà bình và gian khó để cuối cùng sẽ giải phóng đất nước chúng ta khỏi mọi sự can thiệp nước ngoài.” Tóm lại, quan điểm của ông là chính phủ của ông phải miễn cưỡng chấp nhận thực tế của giải pháp Geneva; chính phủ ông từ chối ràng buộc pháp lý bởi các điều khoản, nhưng mặt khác, nó sẽ không làm gì để ảnh hưởng đến giải pháp bằng vũ lực.

Sau Geneva, nhiệm vụ lớn đầu tiên của Diệm đơn giản là sống sót, và bằng cách nào đó xây dựng tính chính đáng của chế độ của ông. Ông không có ý định đóng vai trò người chăm sóc mà Geneva đặt ra cho chính phủ Sài Gòn, và là số mệnh mà người Pháp và người Anh lẫn những người Cộng sản đặt kỳ vọng ở ông. (Khi ấy quan điểm của Hoa Kỳ lại mâu thuẫn và chỉ chuyển sang ủng hộ đầy đủ

Diệm sau khi ông ta đánh tan các giáo phái vào mùa xuân năm 1955). Ngay từ đầu, Diệm và các đồng nghiệp đã tự coi mình là chính phủ chính đáng của Nam Việt Nam, và cũng là những phát ngôn viên hợp pháp cho các tỉnh bị chiếm giữ ở miền bắc. Vấn đề là làm sao để thực hiện được điều đó.

Trong một thời gian, Diệm bận tâm về các điều khoản của Hiệp định Geneva và hậu quả đối với sự tồn vong của Nam Việt Nam. Ông và các đồng nghiệp đều là nghiệp dư trong chính sách đối ngoại, và họ không hoàn toàn hiểu được ngụ ý của giải pháp này. Sau đó có một giai đoạn mà các điều khoản được nghiên cứu một cách thực tế và kỹ lưỡng với các đại diện Mỹ, Anh và Pháp nhằm xác định trách nhiệm chính xác của chính phủ Sài Gòn theo giải pháp đó cũng như các cơ hội và đe dọa tiềm ẩn trong đó. Diệm nhanh chóng nhận ra rằng dù có mất mát cay đắng nào xảy ra tại Geneva thì về mặt nào đó, những điều khoản cụ thể của giải pháp Geneva cũng tạo ra mức độ bảo vệ cho những gì còn lại của Việt Nam tự do. Ví dụ, công việc của Ủy ban Quốc tế về Giám sát và Kiểm soát có thể có lợi cho Sài Gòn. Mặt khác, tuyên bố liên quan đến bầu cử toàn quốc năm 1956 lại đặt ra những vấn đề khó khăn tiềm tàng. Trong số các chủ đề được giải quyết trong giải pháp và cũng đặt ra trách nhiệm và gánh nặng lớn lao cho chế độ đang chật vật của Diệm là dòng tị nạn hàng trăm ngàn người từ miền bắc cũng như việc tập hợp, sơ tán và chuyển giao các lực lượng quân sự giữa miền bắc và miền nam.

Mối bận tâm với Hiệp định Geneva kéo dài cho tới mùa xuân 1955. Trước đó, chính phủ Sài Gòn đã bắt đầu cảm thấy tự tin về khả năng xử lý các điều khoản của giải pháp theo cách phù hợp cho sự sinh tồn của nó. Sự không tham dự quân sự được thực hiện thành công và việc đánh nhau dừng lại. Việc tập hợp các lực lượng đối lập và việc sơ tán chung diễn ra nhanh chóng. Dòng người tị nạn từ miền bắc vào vượt quá ước tính ban đầu (tổng cộng, khoảng 900.000 dân Bắc Việt Nam chạy vào miền nam), nhưng bằng cách nào đó, các chính quyền bị tàn phá ở miền nam đã xử lý được tình huống ấy.

Tuy nhiên, sự kiện mang tính quyết định là chiến dịch thành công rực rỡ của Diệm chống lại Bình Xuyên và kéo theo việc loại bỏ các giáo phái Cao Đài và Hoà Hảo vốn được coi là mối đe dọa chính trị và quân sự thật sự đối với chế độ của ông. Diệm phản công Bình Xuyên bất chấp cảnh báo từ người Pháp, Anh và Mỹ - những người mà, với các động cơ khác nhau, cảm thấy chiến dịch đó còn non nớt và có thể dẫn đến thảm họa quân sự. Nhưng thành công chớp nhoáng của chiến dịch đã làm bẽ mặt những ai tiên tri về sự diệt vong, và gia tăng ghê gớm tự tin của Diệm cùng các cộng sự về khả năng sống sót của họ qua nhiều mối đe dọa mà họ vẫn đang phải đương đầu. (Nó cũng dạy họ bài học là phán xét chính trị của

những người bạn nước ngoài quan trọng còn lâu mới đạt mức không thể sai được, và rằng người Anh lẫn người Mỹ rất có thể bị người Pháp gạt lần nữa như đã xảy ra ở dịp này.⁸) Sau đấy thì những hàm ý của Hiệp định Geneva không còn khiến họ bận tâm sâu sắc nữa. Họ cảm thấy mình có thể giải quyết được bất cứ tình huống nào phát sinh, và họ trở nên hào hứng với các vấn đề cấp thiết về hoà hợp chính trị và hồi phục kinh tế ở miền nam. Vương miện chính danh đến cùng với cuộc trưng cầu ý dân tiến hành vào tháng 10/1955 trên toàn Nam Việt Nam, trong đó người dân bỏ phiếu áp đảo (98% phiếu) cho việc hạ bệ Bảo Đại khỏi vị trí người đứng đầu nhà nước, thành lập nền cộng hoà và bầu Ngô Đình Diệm làm Tổng thống đầu tiên của nước VNCH. Mặc dù rõ ràng phải thừa nhận có rất nhiều hăm dọa và cưỡng ép chính trị, kết quả này vẫn là thành công đáng kể cho Diệm.

Sự công nhận quốc tế

Sài Gòn dành một khối lượng đáng kể thời gian, công sức, và nguồn lực, nhất là trong những năm 1950, cho nhiệm vụ đạt công nhận rộng rãi của quốc tế với chế độ của Diệm. Sự không mỏi mệt trong việc giành tư cách thành viên ở cả những tổ chức quốc tế ít tiếng tăm nhất và tham gia các hội nghị quốc tế về những chủ đề chẳng có mấy liên hệ đến lợi ích quốc gia trực tiếp thường làm trò cười cho những người chỉ trích chế độ. Nhưng có những lý do vững chắc để biện minh cho quá trình ấy. Vị thế pháp lý của chính phủ Sài Gòn sau Hiệp định Geneva chưa chắc chắn, và gây ra nhiều cuộc tranh cãi chính trị trên toàn thế giới. Ngay từ đầu, nó đã phải đương đầu với một chính phủ đối thủ thù nghịch không dễ khuất phục ở miền bắc, nơi được gọi là Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đóng ở Hà Nội. Diệm và các đồng nghiệp của ông đã lập luận đúng đắn rằng cơ hội sống sót của họ sẽ được củng cố bằng cách khẳng định một cách hệ thống trên trường quốc tế về sự tồn tại độc lập của chế độ, và bằng cách giành sự công nhận rộng rãi đối với vị thế pháp lý của mình như là một thực thể có chủ quyền theo luật quốc tế. Cuộc tìm kiếm sự công nhận của quốc tế càng rõ rệt bởi sự thù nghịch giữa Sài Gòn và Hà Nội cũng như nỗ lực của cả hai bên trong việc củng cố tuyên bố riêng rẽ của mình về quyền phát ngôn cho toàn Việt Nam. Đôi khi còn có cả những lợi thế vật chất cụ thể để giành giật nữa. Bởi thế, chính Sài Gòn chứ không phải Hà Nội đã giành được công nhận

⁸ Đọc những bình luận sau đây trong bài viết này. Những sự kiện bất thường trong giai đoạn Bình Xuyên đã dạy Diệm và em trai Ngô Đình Nhu rằng người Mỹ không phải lúc nào cũng suy nghĩ giống nhau, và rằng có thể khai thác sự chia rẽ giữa họ theo cách có lợi cho Việt Nam. Do đó, bất đồng giữa các sĩ quan của phái bộ quân sự Hoa Kỳ tại Sài Gòn và các quan chức của đại sứ quán Mỹ cũng như phái đoàn Phát triển Quốc tế Mỹ (AID) ở đó được Ngô Đình Nhu khéo léo sử dụng sau năm 1960; và có những dấu hiệu cho thấy tình hình đó tiếp tục cả sau khi chế độ Diệm sụp đổ.

từ Nhật Bản và thành công trong đòi hỏi trở thành người nhận bồi thường duy nhất từ Nhật.

Nỗ lực thiết lập quan hệ hữu nghị với các nước khác được thực hiện mạnh mẽ nhất trong những năm 1950 nhưng chưa bao giờ thật sự dừng lại. Đến tận tháng 10/1962, Diệm vẫn khoe khoang trong một thông điệp gửi Quốc hội rằng “phạm vi các nước bè bạn giờ đây có không dưới 90 quốc gia.” Điều này hiển nhiên là thổi phồng.⁹ Bất chấp chi phí nặng nề liên quan, đại diện ngoại giao chỉ được thiết lập và duy trì ở khoảng 50 nước, mặc dù trong nhiều trường hợp các phái viên được cử làm đại diện ở nhiều hơn một thủ đô. Trần Văn Chương – Đại sứ tại Hoa Kỳ - đồng thời kiêm nhiệm Mexico, Canada và một số quốc gia Nam Mỹ. Thông lệ này cũng được nối tiếp trong một vài chế độ sau chính phủ Diệm.

Tư cách thành viên trong Liên Hợp Quốc bị Liên Xô phủ quyết. Nhưng VNCH thành công trong việc trở thành thành viên ở nhiều cơ quan chuyên môn của Liên Hợp Quốc, trong đó có một số cơ quan quan trọng nhất như Tổ chức Nông Lương, Tổ chức Y tế Thế giới, Ngân hàng Quốc tế về Tái thiết và Phát triển, Quỹ Tiền tệ Quốc tế, Ủy ban Kinh tế về Châu Á và Viễn Đông cũng như nhiều cơ quan khác. Sài Gòn cũng là thành viên ở nhiều cơ quan quốc tế ít tiếng tăm khác, ví dụ như Liên minh Quốc tế vì Giáo dục Vệ sinh phổ cập và Học viện Ngoại giao Quốc tế; còn các nhóm tư nhân ở Nam Việt Nam được khuyến khích liên kết với các tổ chức phi chính phủ như Hội đồng Thanh niên Thế giới, Phòng Thiếu niên Quốc tế, và Liên minh Chống Cộng sản của người Châu Á.

Việt Nam Cộng hoà cũng là thành viên của Kế hoạch Colombo và nhận được nhiều viện trợ kỹ thuật và các viện trợ khác từ tổ chức này. Năm 1957, Sài Gòn đăng cai hội nghị thường niên của Kế hoạch Colombo. Đây là sự kiện quốc tế đầu tiên được tổ chức ở Nam Việt Nam kể từ độc lập. Để tổ chức các phiên họp, toà nhà của Phòng Thương mại Sài Gòn được nhanh chóng sử dụng và sửa đổi với tốc độ kỷ lục thành một phòng hội nghị quốc gia với những trang thiết bị hiện đại nhất. Đồng thời, ở mặt sông Sài Gòn, nơi toà nhà hội nghị tọa lạc, họ sơ tán dân trong vòng vài lô ở mọi phía và biến nơi đây thành một công viên. Chính phủ Diệm coi việc rót các nguồn lực khác nhau vào những chuyện như vậy là cách thức giành công nhận và uy tín quốc tế; và quả thực, hội nghị đó là một thành công lớn.

Việt Nam Cộng hoà cũng siêng năng chẳng kém trong việc tham gia các hội nghị quốc tế về hầu hết các chủ đề có thể. Hầu như chẳng có tháng nào mà họ không dự ít nhất một cuộc họp như vậy, và thường xuyên là vài cuộc. Rồi còn các

⁹ Mặt khác, tuy việc công nhận không nhất thiết đồng nghĩa với tình hữu nghị hay tán thành nhưng cho đến nay, VNCH đã thật sự được 94 nước công nhận.

chuyến thăm nhà nước, thăm chính thức để củng cố vị thế quốc tế và uy tín của chế độ. Bản thân Diệm cũng có các chuyến thăm cấp nhà nước sang Hoa Kỳ, Australia, Ấn Độ và nhiều nước châu Á khác. Các phái viên Việt Nam cấp hai, thường có cả em trai của Diệm là Ngô Đình Nhu, thường xuyên di chuyển từ thủ đô này sang thủ đô kia. Sài Gòn thậm chí còn thành công hơn với việc thu hút khách thăm. Các vị khách chính thức có Phó Tổng thống Richard M. Nixon, Thủ tướng Ấn Độ Jawaharlal Nehru, Nhà vua Thái Lan, Tổng thống Philippines Carlos P. Garcia, U Nu của Miến Điện, Thủ tướng Hoàng tử Abdul Rahman của Malaya và nhiều người khác.

Rõ ràng, về lâu dài, những nỗ lực của Diệm nhằm giành công nhận của quốc tế cho chế độ của ông đã tỏ ra đáng giá. Về mặt này, Sài Gòn đạt được nhiều hơn so với đối thủ Cộng sản ở Hà Nội. Khi Diệm phát biểu trước những người đứng đầu quốc gia và chính phủ của 92 nước vào tháng 3/1962 và thu hút sự chú ý của họ tới sự hiếu chiến mới của Cộng sản đối với Việt Nam Cộng hoà, ông đã có thể thuật lại về “sự phản hồi nồng nhiệt” với lời kêu gọi ấy. “Từ mọi nơi trên thế giới, có những phản hồi lên án chính sách lật đổ và hiếu chiến của chế độ Cộng sản Hà Nội.” Hệ quả vô hình từ chính sách của Diệm cũng không phải là ít ỏi. Trong khi phần lớn viện trợ kinh tế và quân sự cho VNCH luôn đến từ Hoa Kỳ, và với quy mô ít hơn nhiều từ Pháp và Nhật Bản (tiền bồi thường), rất nhiều nước khác rất cục cựa cũng đóng góp các khoản viện trợ mang tính tượng trưng. Quả thật, tuy nhiều người không biết chuyện này và điều đó cũng không được khai thác đầy đủ cho các mục đích ngoại giao song cho đến lúc này, rất nhiều nước đang hỗ trợ VNCH bằng cách này hay cách khác trong cuộc đấu tranh sinh tồn trước sự hiếu chiến và lật đổ của Cộng sản. Phần lớn thành công này thuộc về tầm nhìn xa của Ngô Đình Diệm. Mặt khác, cần phải lưu ý rằng ngoài Hoa Kỳ, chỉ có một số nước duy trì quan hệ thân thiện với Nam Việt Nam là nhiệt tình với việc tham gia quân sự thật sự trong cuộc chiến đấu chống những người Cộng sản.

Vấn đề tái thống nhất

Trong thập niên nắm quyền của mình, Ngô Đình Diệm không bao giờ xử lý hiệu quả vấn đề tái thống nhất đất nước. Mặc dù ông cay đắng phản đối việc chia cắt Việt Nam tại Geneva và nêu rõ rằng chính phủ ông không bị ràng buộc bởi các điều khoản của giải pháp đó, song gần như ngay từ đầu, ông đã hiểu rằng việc chia rẽ Việt Nam theo vĩ tuyến 17 có khả năng là vĩnh viễn. Ngay trong tuyên bố của mình ngày 22/7/1954, Diệm công nhận *việc đã rồi* [nguyên văn *fait accompli* – tiếng Pháp – ND]; và mặc dù phản đối dữ dội điều đó, ông cam kết là chính phủ sẽ

không sử dụng vũ lực để có được tái thống nhất. Thay vào đó, ông nói một cách mơ hồ về “cuộc đấu tranh hoà bình và khó khăn để cuối cùng giải phóng đất nước chúng ta khỏi mọi can thiệp của nước ngoài.”

Trong quá trình nghiên cứu cẩn thận các điều khoản của Hiệp định Geneva suốt vài tháng sau đó, Diệm và các đồng nghiệp hiển nhiên rút ra kết luận là các cuộc bầu cử theo quy định của Hiệp định cũng là một con đường phi thực tế tới tái thống nhất. Phần là vì họ tin rằng họ không thể đánh cược tái thống nhất vào bầu cử cho đến khi chế độ củng cố an toàn quyền lực của mình ở miền nam. Phần chủ yếu là, điều đó xuất phát từ nhận thức cơ bản rằng bầu cử tự do theo yêu cầu ở Geneva sẽ không bao giờ được phép ở miền nam; ở đây các quân bài sẽ hoàn toàn được bố trí có lợi cho người Cộng sản. Trong tình hình đó, việc thực hiện tuyên bố Geneva về bầu cử được coi là quá nguy hiểm. Hơn nữa, Diệm cảm thấy cần phải có các lý do nội bộ để giải thích lập trường của mình về vấn đề này một cách rõ rệt. Quan điểm của ông là sự không chắc chắn về bầu cử gây ra những lo âu nghiêm trọng trong người dân ở miền nam, đặc biệt là trong những nhóm như dân tị nạn và quân đội bổ sung [nguyên văn: military suppletifs] di tản từ miền bắc, bởi vì những nhân tố đó có thể sẽ bị đối xử thô bạo nếu tái thống nhất xảy ra dưới sự bảo trợ của Cộng sản. Tóm lại, quan điểm rõ ràng chống lại bầu cử là một yêu cầu bắt buộc nếu muốn tiếp tục củng cố miền nam.

Thảo luận về chủ đề này giữa chính quyền Sài Gòn và Hà Nội lẽ ra phải bắt đầu vào ngày 20/7/1955, và căng thẳng tăng lên khi gần đến ngày này. Vào ngày 6/6, những người Cộng sản cho thấy họ đã sẵn sàng thảo luận. Đổi lại, Diệm tuyên bố vào ngày 16/7 là chính phủ của ông không phản đối nguyên tắc bầu cử tự do để đạt được thống nhất, nhưng chỉ với điều kiện là chúng “hoàn toàn tự do”. Ông bổ sung rằng ông vẫn “hoài nghi về khả năng đáp ứng đầy đủ điều kiện bầu cử tự do ở miền bắc.” Ba ngày sau, Hà Nội chính thức kêu gọi chính phủ Sài Gòn bắt đầu thương lượng. Có lẽ để phản hồi, ngày hôm sau, đúng dịp kỷ niệm Geneva lần thứ nhất, chế độ Diệm cố tình xúi giục một cuộc biểu tình công khai bạo lực phản đối Ủy ban Quốc tế về Giám sát và Kiểm soát. Theo sau đó là tuyên bố ngày 19/8 trong đó chính phủ Sài Gòn nêu rằng “không có gì mang tính xây dựng” có thể đạt được trong việc tái thống nhất đất nước thông qua bầu cử tự do “chừng nào mà chế độ Cộng sản ở Bắc Việt Nam chưa cho phép mỗi công dân Việt Nam được hưởng các quyền tự do dân chủ và quyền con người cơ bản.”

Vấn đề chững lại ở đó. Trong khi chế độ Hà Nội gắng sức trong những tháng sau đó nhằm gây áp lực quốc tế để ủng hộ bầu cử, Sài Gòn vẫn án binh bất động. Quan điểm của Sài Gòn nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ của Hoa Kỳ, và, ở mức độ

nhẹ hơn, của Anh quốc. Trong một tuyên bố quan trọng ngày 6/4/1956 về sự rút lui cuối cùng của Quân đoàn Viễn chinh Pháp khỏi Nam Việt Nam, chế độ Diệm đã tóm tắt quan điểm của mình về toàn bộ vấn đề chia cắt và tái thống nhất bằng những điều sau: "Chính phủ VNCH sẽ không sử dụng các giải pháp vũ lực để giải quyết vấn đề của mình và sẽ tôn trọng hiện trạng hoà bình trên thực tế... Chế độ sẽ tái thống nhất đất nước, điều nó mong muốn mãnh liệt, bằng mọi biện pháp hoà bình, đặc biệt thông qua bầu cử dân chủ và thật sự tự do, khi mọi điều kiện tự do được đảm bảo, như đã nhiều lần tuyên bố trước đây." Tháng 7/1956, tháng được Geneva chỉ định là thời điểm bầu cử, đã đến và qua đi mà không có việc này xảy ra.

Về cơ bản, vấn đề giờ đây đã tê liệt. Trong những năm sau đó, Diệm và các đồng nghiệp không còn lo lắng về các điều khoản Geneva về tái thống nhất. Trên thực tế, thật khó để thuyết phục Diệm phát biểu về chủ đề này, mặc dù chính phủ của ông đôi khi ra tuyên bố tóm tắt lại quan điểm chính thức. Sự dè dặt của Diệm về chuyện này có lẽ là một sai lầm chính trị nghiêm trọng, đến mức mà thái độ của ông có thể bị hiểu lầm là thờ ơ với toàn bộ vấn đề. Thật ra ông không hề thờ ơ với tái thống nhất; đơn giản ông chỉ không thấy có cách khả thi nào để điều đó xảy ra. Bởi vì vấn đề nằm ngoài kiểm soát của ông, ông không có lựa chọn hiệu quả nào ngoài việc chấp nhận chia rẽ Việt Nam vĩnh viễn. Chỉ trong trường hợp xảy ra đại hồng thuỷ quốc tế, chẳng hạn như một cuộc chiến tổng lực giữa Hoa Kỳ và Trung Cộng mà qua đó chế độ Cộng sản ở Bắc Việt Nam bị tiêu diệt, thì Diệm mới mường tượng ra được một giải pháp có thể; nhưng đây là một tiến trình mà không ai có lý trí tính đến.

- Còn tiếp phần 2 -

William Henderson là Quản lý Quan hệ Chính phủ Quốc tế cho Tập đoàn Dầu Mobil, và là Biên tập viên của Vietnam Perspectives. TS. Wesley R. Fishel là Giáo sư Chính trị học tại Đại học bang Michigan.

GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Các bài dịch học thuật của Dự án được đăng tại chuyên mục [Biên dịch](#). Danh mục rút gọn của các bài dịch này được đăng trên trang [Mục lục](#).

Từ tháng 6/2014, Dự án còn xuất bản chuyên mục [Bình luận](#) để đăng các bài bình luận tiêu biểu của các tác giả Việt Nam hoặc dịch từ các nguồn tiếng Anh uy tín về các vấn đề quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại Việt Nam. Ngoài ra, Dự án cũng ra mắt chuyên mục [Ấn phẩm](#) để chia sẻ các bài viết nghiên cứu về quan hệ quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng Anh với sự cho phép của các tác giả liên quan.

Trang chủ dự án: <http://nghiencuuquocte.net/>

Thông tin thêm về Dự án: <http://nghiencuuquocte.net/about/>

Danh mục các bài đã xuất bản: <http://nghiencuuquocte.net/muc-luc/>

Theo dõi Dự án trên Facebook: <https://www.facebook.com/DAnghiencuuquocte>

Ý kiến đóng góp và mọi liên hệ xin gửi về: Lê Hồng Hiệp, nghiencuuquocte@gmail.com
